

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/DS-PT

Ngày: 17/4/2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**.

Các Thẩm phán: - Ông **Võ Trung Hiếu**;

- Bà **Trần Thị Kim Em**;

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Quang Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 88/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐPT-DS ngày 01/02/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1967.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1 **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1976.

2.2 **Trương Thị N**, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngô Thị P, sinh năm: 1974.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Trương Thị N.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị N là vợ chồng. Do quen biết nên ông có cho vợ chồng ông C vay tiền như sau: Ngày 25/01/2018 (AL) vay số tiền vốn là 90.000.000 đồng, không tính lãi. Khi vay hẹn đến ngày 25/02/2018 (AL) sẽ trả lại vốn, vợ chồng ông C có làm biên nhận và ký tên. Đến hạn trả và cho đến nay vợ chồng ông C không trả tiền theo thỏa thuận.

Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị N phải trả cho ông số tiền vốn vay 90.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/02/2018 (AL) đến nay theo mức lãi suất pháp luật quy định trên số vốn 90.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị N trình bày:*

Vợ chồng ông bà có vay tiền của vợ chồng ông C hai lần như sau: Ngày 28/5/2015 vay số tiền vốn 30.000.000 đồng và ngày 15/6/2015 vay số tiền vốn 20.000.000 đồng. Tổng cộng vay 50.000.000 đồng, lãi suất vay 10%/tháng, trả lãi hàng tháng. Sau đó có trả lãi từ ngày 15/7/2015 đến ngày 15/7/2017 là 120.000.000 đồng. Các lần trả lãi không có làm biên nhận. Từ tháng 8/2017 cho đến nay ông không có trả lãi. Vợ chồng ông không có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 25/01/2018 (AL). Nay ông C yêu cầu vợ chồng ông trả 90.000.000 đồng vợ chồng ông không đồng ý, vì vợ chồng ông chỉ vay số tiền vốn là 50.000.000 đồng và không có ký tên vào biên nhận mượn tiền 90.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị P trình bày:*

Bà xác định ông C và bà N có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 25/01/2018 (AL). Bà N khẳng định vợ chồng bà mạo nhận chữ ký của vợ chồng bà N là vu khống. Bà N đang chuyển nhượng đất có tiền nhưng không trả. Vì vậy yêu cầu thẩm định lại chữ ký và chữ viết của ông C tại biên nhận mượn tiền ngày 25/01/2018 (AL).

Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 101.272.500 đồng (một trăm lẻ một triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C và bà N chậm trả tiền còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2018/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 137, 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 27/11/2018, bị đơn bà Trương Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trương Thị N có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và xin xem xét miễn giảm án phí.

Ông Nguyễn Văn H – đại diện ủy quyền cho nguyên đơn có ý kiến không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về thủ tục, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa không hợp lệ về thời gian theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/3/2019, bà Nguyễn yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm tiếp tục xét xử nhưng sau đó lại yêu cầu hủy án sơ thẩm vì lý do tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thời gian tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của của bị đơn bà Trương Thị N là không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt thông báo hoãn phiên tòa cho các bị đơn không hợp lệ nhưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là vi phạm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/3/2019 bà N có ý kiến cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt vợ chồng bà là không đúng pháp luật nhưng sau khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt bản án cho bà và bà đã thực hiện quyền kháng cáo. Nay bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu xem xét việc xét xử vắng mặt vợ chồng bà.

Xét Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng về thủ tục tổng đạt thông báo hoãn phiên tòa cho các bị đơn. Tuy nhiên, các bị đơn cho rằng vẫn đảm bảo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến thủ tục Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các bị đơn nên chấp nhận.

[2] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện, xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Văn C có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị N vay tiền nhiều lần. Theo ông C, ngày 25/01/2018 AL (âm lịch), ông có cho vợ chồng ông C, bà N vay số tiền 90.000.000 đồng, không tính lãi và cam kết trả vốn vào ngày 25/02/2018 AL. Do vợ chồng ông C, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông khởi kiện yêu cầu ông C, bà N trả nợ cho ông.

Không thừa nhận lời trình bày của ông C, ông C và bà N cho rằng vào các ngày 25/5/2015 và 15/6/2015 AL vợ chồng ông bà có vay của ông C tổng cộng 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng và trả lãi từ ngày 15/7/2015 đến ngày 15/7/2017 tổng cộng 120.000.000 đồng. Ông bà không ký biên nhận mượn tiền 90.000.000 đồng đề ngày 25/01/2018 AL, biên nhận là giả mạo nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông C.

Xét lời trình bày của ông C, bà N không được ông C thừa nhận và bà N, ông C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết luận giám định số 377/C09B ngày 04/10/2018 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định biên nhận mượn tiền lập ngày 25/01/2018 AL (BL số 70) là do ông C, bà N ký tên, buộc ông C, bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi cho ông C là có căn cứ.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, bà N và ông C không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh

cho yêu cầu kháng cáo của ông, bà. Vì thế, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị N yêu cầu triệu tập ông Nguyễn Văn C tham gia phiên tòa, không đồng ý việc tham gia tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H. Xét thấy, theo quy định pháp luật, đương sự có quyền ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng và ông H không thuộc trường hợp không được làm người đại diện theo qui định tại Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không chấp nhận ý kiến đề nghị của bị đơn.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Trương Thị N, ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 88/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, khoản 2 điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 148, 282 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị N liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 101.272.500 đồng (một trăm lẻ một triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng, theo biên lai thu số 19333 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị N phải chịu 5.063.625 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông C, bà Nguyễn đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 19526 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, nên ông C, bà N còn phải nộp thêm số tiền 5.063.625 đồng.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn